

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM ĐỨC THỌ

YẾU TỐ KHOA HỌC TRONG LỰC LƯỢNG
SẢN XUẤT VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ Ở
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Triết học
Mã số: 60.22.80

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. DƯƠNG ANH HOÀNG**

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Khoa học xã hội và nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 31 tháng 01 năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong sự phát triển của nhân loại, chúng ta đã và đang chứng kiến nhiều về sự thay đổi lớn trong toàn bộ đời sống xã hội, từ thay đổi về kinh tế, chính trị, xã hội cho đến nhận thức khoa học.

Chính vì vậy khoa học đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống nhân loại, mà kết quả quan trọng nhất đó là tạo được bước ngoặt phát triển về chất của lực lượng sản xuất. Khoa học chính là nguyên nhân đầu tiên tạo ra sự thay đổi, thúc đẩy sự phát triển về mọi mặt của nhân loại. Điều đó đã chứng minh được những dự báo của Mác: *Khoa học - kỹ thuật sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp* - điều mà C.Mác đã phát biểu từ những năm giữa của thế kỷ XIX.

Toàn cầu hóa đang mở ra nhiều cơ hội cho tất cả các nước trên thế giới, ở đó các nước đang được học hỏi và cạnh tranh nhau nhằm để tránh khỏi nguy cơ tụt hậu. Trước sự phát triển không ngừng ấy, khoa học trở thành như một kim chỉ nam tiêu biểu nhất mà các nước đều phải ứng dụng nó vào cho sự phát triển chung của mình, bằng cách này hay cách khác mọi sự phát triển chung của các nước, khoa học trở thành một nấc thang quan trọng không thể thiếu cho sự phát triển chung của mọi quốc gia.

Nhìn từ mọi phương diện hay mức độ khác nhau, khoa học - công nghệ đã có tầm ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển chung của mọi quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay - khi nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Khoa học - công nghệ được Đảng và Nhà nước ta chú trọng đầu tư phát triển một cách chú trọng nhất, đó

là yếu tố quan trọng đảm bảo cho thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong các văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là trong các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đến nay, vấn đề giáo dục - đào tạo; khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu được Đảng ta nhấn mạnh và đưa ra chính sách nâng cao dân trí để tiếp thu khoa học và công nghệ tiên tiến, từng bước tiến vào hội nhập nền văn minh quốc tế. Đặc biệt trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI gần đây vấn đề khoa học và công nghệ được Đảng và Nhà nước ta đề cập một cách cụ thể sâu sắc trong từng chi tiết.

Đà Nẵng là một trong những đô thị lớn của đất nước, là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học... của các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Trong những năm gần đây, Đà Nẵng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Tuy nhiên bên những thành tựu đáng biểu dương ấy thì vấn đề phát triển và áp dụng khoa học - công nghệ vào phát triển công nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế xã hội nói chung ở Đà Nẵng còn gặp nhiều khó khăn.

Do vậy, việc nghiên cứu vấn đề phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng là hết sức cần thiết, có tính cấp bách về ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn. Đó là lý do tôi chọn đề tài **“Yếu tố khoa học trong lực lượng sản xuất với việc phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng”** làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục tiêu: Từ sự phân tích vai trò của yếu tố khoa học trong lực lượng sản xuất, luận văn đưa ra một số định hướng và xây dựng các giải pháp nhằm phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.

- Nhiệm vụ:

+ Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về vai trò của yếu tố khoa học trong lực lượng sản xuất.

+ Phân tích tiềm năng, thực trạng và xu hướng phát triển khoa học - công nghệ ở Đà Nẵng, đánh giá mặt đạt được, hạn chế và làm rõ nguyên nhân.

+ Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng, dưới góc độ triết học.

+ Những lý luận về yếu tố khoa học và học thuyết của triết học về lực lượng sản xuất.

+ Các yếu tố trong mối quan hệ với sự phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng.

- Phạm vi nghiên cứu của luận văn: Tập trung nghiên cứu về vai trò của yếu tố khoa học trong lực lượng sản xuất với việc phát triển khoa học - công nghệ trên phạm vi thành phố Đà Nẵng hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về lực lượng sản xuất. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển khoa học - công nghệ cùng các lý thuyết kinh tế liên quan đến đề tài.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các phương pháp cụ thể như: Phân tích - tổng hợp, diễn dịch - quy nạp, kết hợp lôgic và lịch sử,

thống kê, so sánh, tổng kết thực tiễn, kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu đã dự báo.

*** Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

- Là luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển của thành phố.

- Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm về việc phát triển khoa học - công nghệ của Đà Nẵng.

- Cơ sở lý luận và thực tiễn của luận văn sẽ đóng góp vào việc phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng, góp phần vào công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa trên địa bàn thành phố.

CHƯƠNG 1

KHOA HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC TRONG LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

1.1.1. Các khái niệm về khoa học, công nghệ

* *Khái niệm khoa học*

Thuật ngữ khoa học đã xuất hiện từ rất sớm, đó là một quá trình nhằm nghiên cứu, khám phá ra những kiến thức mới, học thuyết mới... về tự nhiên và xã hội. Trong lịch sử có rất nhiều quan niệm khác nhau về khoa học.

Có thể hiểu một cách khái quát về khái niệm khoa học: *Khoa học là một hệ thống tri thức về quy luật của vật chất và sự vận động của vật chất, những quy luật tự nhiên, xã hội và tư duy. Hệ thống tri thức này hình thành trong lịch sử và không ngừng phát triển trên cơ sở thực tiễn xã hội.*

Tùy vào mục đích nghiên cứu và cách tiếp cận của từng ngành, bộ môn khác nhau thì khái niệm khoa học cũng được tìm hiểu ở các góc độ khác nhau.

* *Khái niệm công nghệ*

Công nghệ (có nguồn gốc từ *technologia*, hay *τεχνολογια*, trong tiếng Hy Lạp; *techne* có nghĩa là thủ công và *logia* có nghĩa là “châm ngôn”) là một thuật ngữ rộng ám chỉ đến các công cụ và mưu mẹo của con người. Tùy vào từng ngữ cảnh mà thuật ngữ công nghệ có thể hiểu được: Công cụ hoặc máy móc giúp con người giải quyết các vấn đề; các kỹ thuật bao gồm các phương pháp, vật liệu, công cụ và các tiến trình để giải quyết một vấn đề; các sản phẩm được tạo ra phải hàng loạt và giống nhau; sản phẩm có chất lượng cao và giá thành hạ.

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về thuật ngữ công nghệ, tuy nhiên có thể hiểu: *Công nghệ là tổng hợp các hệ thống kiến thức khoa học được áp dụng vào trong đời sống sản xuất vật chất nhằm đạt được mục đích cần thiết cho con người. Công nghệ là nấc thang quan trọng không thể thiếu trong sự tiến bộ của nhân loại.*

Công nghệ được thể hiện qua hai bộ phận *phần cứng* và *phần mềm* cấu thành:

Trong đó phần cứng bao gồm các trang thiết bị như: Máy móc, nhà xưởng, thiết bị công cụ thiết yếu sản xuất...

Phần mềm bao gồm: Thành phần con người (kiến thức nghề nghiệp, tay nghề, kỹ năng lao động tạo ra sản phẩm...); thành phần thông tin (quy trình sản xuất, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa, thông tin về thị trường...); cuối cùng là thành phần tổ chức quản lý (hoạt động dịch vụ, tổ chức quản lý, tiếp thị...)

Trong quá trình sản xuất của một quy trình tạo ra sản phẩm, đó là sự kết hợp chặt chẽ của *phần mềm* và *phần cứng* đó là điều kiện cần và đủ cho một quy trình sản xuất, sự kết hợp chặt chẽ này tạo ra hiệu quả cao, nó là điều kiện không thể thiếu trong giai đoạn hiện nay khi mà khoa học - công nghệ trở thành một nhân tố quyết định cho một chất lượng sản phẩm cạnh tranh trên thị trường.

1.1.2. Khái niệm lực lượng sản xuất theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin

Lực lượng sản xuất chính là toàn bộ các nhân tố vật chất, kỹ thuật của quá trình sản xuất, chúng tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với nhau tạo ra sức sản xuất làm cải biến các đối tượng trong quá trình sản xuất, tạo ra năng lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng vật chất của tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội.

Vậy, lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất. Lực lượng sản xuất thể hiện năng lực thực tiễn của con người trong quá trình sản xuất tạo ra của cải vật chất.

Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động và người lao động

Thứ nhất, tư liệu sản xuất: Tư liệu sản xuất được cấu thành từ hai bộ phận căn bản là tư liệu lao động và đối tượng lao động. Mác viết: “Cả tư liệu lao động và đối tượng lao động đều biểu hiện ra ở tư liệu sản xuất”. [9;tr.17]

Đối tượng lao động là vật thể tự nhiên mà con người tác động vào cải tạo chúng thành những của cải vật chất khác nhau.

Tư liệu lao động là khâu trung gian làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất của con người.

Thứ hai, người lao động: Con người bằng sức lực và trí tuệ của mình chế tạo ra công cụ lao động và dùng công cụ đó tác động vào tự nhiên để tạo ra những sản phẩm vật chất nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân và xã hội.

Công cụ lao động được xem là yếu tố động của lực lượng sản xuất. Nó luôn luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện mới, không ngừng được sáng tạo ra và chính sự phát triển của công cụ lao động đã tạo ra nhiều biến chuyển kỳ diệu trong nền sản xuất xã hội.

Như vậy các yếu tố hợp thành lực lượng sản xuất có quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất, trong đó người lao động là yếu tố giữ vai trò quyết định còn tư liệu sản xuất giữ vai trò quan trọng.

1.2. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1.2.1. Khoa học - công nghệ trong sự phát triển của xã hội loài người

** Cách mạng khoa học - công nghệ*

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ lần nhất (thế kỷ XVIII), bắt nguồn từ giai đoạn thay thế lao động thủ công bằng lao động cơ giới, lần thứ hai (thế kỷ XIX). Nội dung cơ bản của mỗi cuộc cách mạng là sự thay thế công cụ sản xuất thô sơ, thủ công, quá trình sản xuất lạc hậu, đơn biệt bằng áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, tiến dần lên cơ khí hoá, tự động hoá, sản xuất dây chuyền hiện đại với những nguồn năng lượng mới,... đó là cải tiến, thay thế, sáng chế ra những hệ thống công cụ mới, trên cơ sở đó nâng cao năng suất lao động, tăng của cải cho xã hội.

** Tác động của khoa học- công nghệ trong sự phát triển xã hội*

Khoa học - công nghệ mang lại nhiều lợi ích đối với sự phát triển quốc gia, giúp đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, thay thế công nghệ cũ bằng công nghệ mới hiện đại, nâng cao năng suất lao động, hàng hóa, của cải vật chất tăng cao, đất nước ngày càng phát triển và có vị thế về kinh tế trong quá trình hội nhập. Ngày nay khoa học - công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy tốc độ phát triển công nghiệp ngày càng nhanh.

Với việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhiều lĩnh vực, con người ngày càng phát triển văn minh, tiến bộ hơn, đó chính là nhờ vào ý nghĩa to lớn của khoa học - công nghệ.

1.2.2. Vai trò của khoa học - công nghệ đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất

Sau thế kỷ XVIII cho tới nay khoa học kỹ thuật đã từng bước

phát triển, nhiều máy móc công cụ lao động ra đời nó đã dần thay thế cho sức lao động của con người trong quá trình tạo ra của cải vật chất trong xã hội là rất lớn.

Có thể thấy, sự phát triển của khoa học kỹ thuật, lực lượng sản xuất ngày càng được cải thiện nâng cao, từ đó giúp tăng năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội.

Khoa học và công nghệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, hàng đầu. Sức mạnh của mỗi quốc gia đang tùy thuộc vào năng lực khoa học công nghệ. Lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên, giá lao động rẻ đang ngày càng ít quan trọng hơn.

Vậy, khoa học đóng vai trò hết sức to lớn trong quá trình phát triển của lực lượng sản xuất. Sự phát triển của khoa học gắn liền với sản xuất và là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển. Ngày nay khoa học trở thành nguyên nhân trực tiếp của nhiều thay đổi to lớn trong xã hội.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

2.1. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1.1. Vị trí địa lý, kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng

** Vị trí địa lý*

Thành phố Đà Nẵng có một vị trí đặc biệt thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững. Nằm trên trục giao thông Bắc - Nam của đất nước về đường bộ.

Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển

hình, nhiệt độ cao và ít biến động. Khí hậu Đà Nẵng là nơi chuyên tiếp đan xen giữa khí hậu miền Bắc và miền Nam, với tính trội là khí hậu nhiệt đới điển hình ở phía Nam. Mỗi năm có 2 mùa rõ rệt.

Diện tích thành phố lên tới 1.283,24 km² với các loại đất: Đất ven biển, đất mặn, đất phèn, đất phù sa, đất xám bạc màu, đất đen, đất đỏ vàng, đất thung lũng và đất xói mòn sỏi đá.

** Kinh tế - xã hội*

Đà Nẵng là thành phố động lực của vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, bao gồm các tỉnh: Thừa thiên- Huế, Đà Nẵng; Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định,

Ngoài ra Đà Nẵng còn là cửa ngõ phía Đông của Hành lang kinh tế Đông – Tây, đây là một trong năm hành lang kinh tế được phát triển theo sáng kiến của Ngân hàng Phát triển Châu Á ở khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông.

Đà Nẵng là địa phương giàu truyền thống cách mạng có bản sắc văn hóa dân tộc, đặc sắc thật thà chất phác thân thiện, anh hùng trong chiến đấu và bảo vệ tổ quốc.

Như vậy, với lợi thế về địa lý, kinh tế - xã hội của thành phố đã tạo cơ hội rất lớn cho sự phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là các ngành kinh tế trọng điểm, có điều kiện áp dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển toàn diện cho thành phố.

2.1.2. Vị trí và lợi thế của khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng là thành phố lớn trong chuỗi đô thị miền Trung, Đà Nẵng được xác định là một trong những trung tâm kinh tế - văn hóa lớn của miền Trung và cả nước.

Thứ nhất, cơ sở hạ tầng, hệ thống tổ chức khoa học - công nghệ phát triển nhanh chóng.

Thứ hai, nguồn nhân lực khoa học - công nghệ của thành phố dồi dào.

Thứ ba, việc đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm thực sự được chú trọng.

Đó là cả một lợi thế lớn và hiếm có về khoa học và công nghệ của Đà Nẵng cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội toàn diện.

2.2. THỰC TRẠNG CỦA QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC- CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.1. Thực trạng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng

** Nhân lực khoa học và công nghệ tiềm năng*

Trong những năm qua, dưới sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ, đã tác động rất lớn đến nguồn nhân lực của thành phố Đà Nẵng, đó là sự biến động về số lượng và chất lượng theo hướng tăng dần về số lượng nguồn nhân lực có tay nghề cao, giảm dần nguồn lao động bằng chân tay.

Về mặt số lượng, năm 2005 dân số trung bình của Đà Nẵng là 790.191 nghìn người, đến năm 2009 là 909.902 nghìn người đạt tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2006-2009 là 3,44%/năm cao hơn mức tăng bình quân của cả nước là 1,1%.

Về chất lượng, Đà Nẵng là một trong những vùng đất địa linh nhân kiệt nổi tiếng của cả nước. Tiếp thu truyền thống văn hóa của dân tộc ta từ bao đời nay, người dân miền Trung nói chung và người dân Đà Nẵng nói riêng đã kế thừa phát huy những giá trị tốt đẹp của người Việt Nam.

Về trình độ học vấn, như chúng ta đã biết thành phố Đà Nẵng là vùng đất có truyền thống hiếu học, quyết chí học để thành tài nên phong trào học tập của Đà Nẵng rất sôi nổi.

Về trình độ chuyên môn – kỹ thuật, trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước nói chung, Đà Nẵng nói riêng. Tình hình chất lượng về trình độ chuyên môn lao động của Đà Nẵng ngày càng có nhiều thay đổi tích cực.

** Nhân lực khoa học và công nghệ trong các tổ chức nghiên cứu và phát triển*

Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 2005 đến nay, UBND Thành phố đã ban hành nhiều chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Thành phố đã có nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa như đầu tư thu hút nhân tài; đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức; song song với việc đào tạo nhân lực trong nước, thành phố còn xây dựng đề án gửi người đi đào tạo tại nước ngoài; tổ chức thi điểm thi tuyển các chức danh lãnh đạo..., Bên cạnh đó, nguồn nhân lực trong các cơ quan hành chính địa phương các cấp phường, xã cũng có nhiều chuyển biến về chất lượng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở.

Đà Nẵng đang là trung tâm có đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ chiếm vị trí cao so với cả nước.

Sự đầu tư phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo của thành phố đã đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, đầy đủ trong các ngành, các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực, không chỉ cho thành phố mà còn đáp ứng cho nhu cầu của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

2.2.2. Khoa học - Công nghệ, nhu cầu tất yếu của sự phát triển thành phố hiện đại

Phát triển khoa học - công nghệ là một trong những định hướng trọng điểm của Đà Nẵng nhằm hướng tới một thành phố hiện đại và phát triển.

Với trình độ phát triển như hiện nay thì Khoa học trở thành một mặt chính trong nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển toàn diện, trong đó khoa học - công nghệ tác động đến sự phát triển kinh tế là biểu hiện đầu tiên của một nền kinh tế bền vững và phát triển.

Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ của Thành phố ngày càng được mở rộng. Xứng đáng là ngành kinh tế mũi nhọn của phát triển kinh tế - xã hội.

Từ khi Đà Nẵng trở thành một thành phố loại I, hiện đại và nổi tiếng trong nước và khu vực thì nhu cầu phát triển như là một nhu cầu khách quan để tồn tại và phát triển bền vững, đáng chú ý nhất là trong lĩnh vực công nghệ sạch và công nghệ cao trở thành rõ nét hơn.

2.2.3. Nhận xét, đánh giá việc phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng

** Những thành tựu đạt được của việc phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng*

Ngành khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng phát triển nhanh và đạt được nhiều thành tựu, không ngừng hiện đại hóa, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Kết quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ

Các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ đã có nhiều đóng góp thiết thực, góp phần đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển của thành phố.

Khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc cụ thể hoá các văn bản của Trung ương và ban hành một số chủ trương, chính sách của thành phố; Ngoài ra, một số đề tài mang tính chuyên ngành như các đề tài về khoa học lịch sử, sưu tầm văn hóa, văn nghệ dân gian ở vùng đất Đà Nẵng...

Các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ đã góp phần đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Đổi mới công nghệ

Việc đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm thực sự được chú trọng từ năm 1997. Thiết bị công nghệ được đầu tư trong giai đoạn này khá lớn.

- Kết quả xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Công tác đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật cho khoa học và công nghệ được chú trọng với các nội dung trọng điểm, từng bước trang bị các phương tiện kỹ thuật để triển khai có hiệu quả hơn các hoạt động quản lý và ứng dụng khoa học và công nghệ .

Chất lượng xây dựng danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và hoạt động nghiên cứu ứng dụng được nâng cao.

Năng lực quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng tiếp tục được tăng cường.

Triển khai có hiệu quả chương trình hợp tác phát triển khoa học và công nghệ.

** Những hạn chế, tồn tại và các vấn đề đặt ra của việc phát triển khoa học - công nghệ ở thành phố Đà Nẵng*

Thứ nhất, hoạt động khoa học - công nghệ chưa thực sự gắn kết chặt chẽ, hiệu quả, nhiệm vụ, mục tiêu vào trong sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động khoa học và công nghệ còn tồn tại nhiều hạn chế bất cập.

Thứ ba, đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp, hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa cao

Thứ tư, hệ thống tổ chức khoa học - công nghệ thành phố chưa đồng bộ, trùng lặp, hoạt động kém hiệu quả

Thứ năm, cơ sở vật chất – kỹ thuật, hạ tầng và tiềm lực khoa học - công nghệ thành phố còn hạn chế.

Thứ sáu, thị trường khoa học và công nghệ của thành phố mới được hình thành, còn ở trình độ sơ khai; doanh nghiệp khoa học công nghệ chưa phát triển.

** Nguyên nhân hạn chế*

Một là, thiếu chiến lược qui hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ.

Hai là, khối doanh nghiệp nhà nước hoạt động ít hiệu quả, qui mô vốn nhỏ, trình độ công nghệ, năng lực cạnh tranh còn rất hạn chế.

Ba là, cơ chế quản lý khoa học và công nghệ kém hiệu quả, nhưng chậm được đổi mới, không phát huy được năng lực khoa học và công nghệ hiện có.

Bốn là, cơ chế quản lý kinh tế chưa tạo nhu cầu thực sự đối với khoa học và công nghệ.

Năm là, nhận thức của các ngành, các cấp về khoa học và công nghệ chưa đầy đủ và có phần hạn chế, chưa coi khoa học và công nghệ là giải pháp thúc đẩy hoạt động của ngành, địa phương và doanh nghiệp.

2.3. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

** Xu thế phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin*

Về ứng dụng công nghệ thông tin: Đà Nẵng đã quan tâm phát triển đồng bộ các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và trong các hoạt động kinh tế - xã hội của Thành phố.

Về đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông: Nguồn lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước tăng đáng kể, cả về số lượng lãnh đạo công nghệ thông tin cũng như số lượng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đạt chất lượng.

Trong thời gian sắp tới xu hướng những sản phẩm công nghệ thông tin sẽ được phát triển và ứng dụng vào cuộc sống của người dân, đó là: Mạng internet không dây sẽ phổ biến; các máy tính mang trên người được tăng cường để kiểm soát thiết bị y tế và các thiết bị hệ thống giải trí; ...

** Xu thế phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học*

Đà Nẵng đã và đang tiến hành tiến hành xây dựng và phát triển ứng dụng công nghệ sinh học theo đúng mục tiêu định hướng đó là: Phát triển mạnh công nghệ sinh học hiện đại, trong đó tập trung mạnh vào công nghệ gen; tiếp cận các khoa học mới như khoa học gen, tin sinh học, protein học, biến dưỡng học, công nghệ Nano ; ...

Nhiệm vụ cụ thể của công nghệ sinh học trong từng ngành:

Đối với nông nghiệp: Ứng dụng tiến bộ công nghệ sinh học trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản và thâm canh; về công nghệ môi trường: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý ô nhiễm môi trường; trong y tế: Nghiên cứu áp dụng tiến bộ công nghệ sinh học trong chẩn đoán bệnh và sản xuất các loại thuốc phòng chữa bệnh.

Ngoài xu thế phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học. Hiện nay xu thế phát triển công nghệ nanô, công nghệ vật liệu mới cũng đang được thành phố chú trọng phát triển.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến phát triển khoa học – công nghệ

** Bối cảnh quốc tế*

Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ trên thế giới tiếp tục phát triển với nhịp độ ngày càng nhanh, có khả năng tạo ra những thành tựu mang tính đột phá.

Khoa học và công nghệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, hàng đầu. Sức mạnh của mỗi quốc gia tùy thuộc phần lớn vào năng lực khoa học - công nghệ.

Xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng gia tăng. Đây vừa là quá trình hợp tác để phát triển vừa là quá trình đấu tranh giữa các nước để bảo vệ lợi ích quốc gia.

Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế, các thành tựu to lớn của công nghệ thông tin - truyền thông, xu hướng phổ cập Internet, phát triển thương mại điện tử, kinh doanh điện tử, ngân hàng điện tử, Chính phủ điện tử, v.v... đang tạo ra các lợi thế cạnh tranh mới của các quốc gia và từng doanh nghiệp.

** Bối cảnh trong nước*

Sau gần 30 năm đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, làm nền tảng cho giai đoạn phát triển mới.

Đại hội Đảng lần thứ XI tiếp tục khẳng định con đường đổi

mới theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 của nước ta đã xác định mục tiêu phát triển tổng quát là: Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

3.1.2. Quan điểm cơ bản về phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước đến năm 2020

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (1-2011) đã thông qua những Văn kiện quan trọng mang tầm định hướng, chiến lược.

Cương lĩnh đã vạch rõ những định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ trong thời kỳ mới với những quan điểm cơ bản dưới đây:

- Khoa học - công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại.

- Phát triển khoa học - công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học - công nghệ gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí.

- Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học - công nghệ của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trên thế giới.

Nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới:

- *Thứ nhất:* Phát triển năng lực khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho những ngành, lĩnh vực then chốt, mũi nhọn.

- *Thứ hai:* Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học - công nghệ, xem đó là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả của khoa học, công nghệ.

- *Thứ ba:* Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng; phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ.

3.1.3. Quan điểm cơ bản phát triển khoa học và công nghệ của thành phố Đà Nẵng 5 năm 2016- 2020

Khoa học và công nghệ được xem là công cụ và đóng vai trò là động lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển khoa học và công nghệ phải dựa trên nguyên tắc phát triển ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và các hướng công nghệ ưu tiên như: Công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo máy - tự động hóa, công nghệ môi trường. Tập trung nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ y - dược, năng lượng nguyên tử hạt nhân, vũ trụ.

3.1.4. Định hướng phát triển khoa học – công nghệ ở thành phố Đà Nẵng đến năm 2020

Một số chỉ tiêu phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 là: “Tốc độ đổi mới công nghệ bình quân hàng năm đạt 25%, trong đó giai đoạn 2010- 2015 tốc độ đổi mới công nghệ bình quân đạt 24 - 25%/năm; giai đoạn 2015 - 2020 tốc độ đổi mới công nghệ bình quân đạt 25 - 25%/năm” [52; tr.4].

Đối với quy hoạch phát triển, đo lường, chất lượng: “Phần đầu đến 2015 kiểm định định kỳ đạt 80% và đến 2020 kiểm định định kỳ đạt 100% số phương tiện đo nằm trong danh mục phải kiểm định.

Đến 2015 thực hiện 70% và đến 2020 thực hiện 100% các chợ trên địa bàn thành phố được trang bị 02- 03 cân đối chứng...” [52; tr.7].

Đối với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ: Đến năm 2020, lao động có trình độ đại học, cao đẳng trở lên đạt 200 người/ vạn dân; số lượng thạc sĩ, tiến sĩ tăng gấp 2 lần so với hiện nay, đảm bảo 80% đến 90% nguồn nhân lực khoa học và công nghệ phân bố hợp lý trong cơ cấu kinh tế” [50; tr.8]

3.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

3.2.1. Nhóm giải pháp đổi mới, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, đổi mới chương trình, nội dung phương pháp, quy trình đào tạo, nhằm phát triển nguồn nhân lực phục vụ khoa học - công nghệ.

Đổi mới giáo dục đào tạo cả về số lượng và chất lượng, cải tiến nội dung chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đúng với chủ trương của Thành phố đề ra.

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đào tạo ngoại ngữ vào dạy và học

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học, đồng thời phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học – công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.

Chú trọng đào tạo ngoại ngữ, vào chương trình đào tạo nguồn nhân lực, hiện nay trên địa bàn thành phố các cơ sở đào tạo, trung tâm dạy nghề, trường đại học...

Thứ ba, tạo điều kiện để học tập, đầu tư nguồn chất xám và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách

Cần có chính sách, cơ cấu hợp lý và môi trường lành mạnh để sử dụng đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ, nhất là những người có tài.

Tạo môi trường làm việc lành mạnh để người tài phát triển, kiên quyết loại bỏ tình trạng thối hư tật xấu, suy đồi đạo đức, cạnh tranh không lành mạnh, giữ vững môi trường làm việc công bằng văn minh.

Cần có chính sách ngăn chặn tình trạng chảy máu chất xám trong giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo đề án 922 của Thành phố bằng các giải pháp:

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác chuyên gia trong và ngoài nước theo các chương trình, dự án.

Tăng cường bổ sung đội ngũ nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan của thành phố, tập trung ngành du lịch, thương mại, y tế, giáo dục...

3.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.

Thực hiện đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức xã hội, trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp và doanh nghiệp về khoa học và công nghệ.

Thành lập các cơ quan thẩm định, kiểm định chất lượng đạo tạo khoa học công nghệ theo chuẩn quốc tế;

3.2.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện môi trường pháp lý, đổi mới tổ chức, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức

khoa học thành phố bằng cách xây dựng, quy hoạch, tái cấu trúc lại hệ thống

Tập trung các nguồn lực phát triển khoa học - công nghệ, bằng hình thức xây dựng, quy hoạch, tái cấu trúc lại hệ thống là một việc làm hết sức cần thiết và không thể thiếu.

Thực hiện việc chuyển đổi, tổ chức sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học - công nghệ sang hình thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm với cơ chế thị trường, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao.

Thứ hai, đổi mới cơ chế quản lý khoa học công nghệ

Đổi mới việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tăng cường thực hiện cơ chế “đặt hàng” của lãnh đạo và các tổ chức, các nhân khác đối với các nhà khoa học.

Đổi mới công tác thẩm định thông tin đối với các đề tài khâu xây dựng, xét chọn cho đến đánh giá nghiệm thu.

Thứ ba, đầu tư, phân bổ ngân sách nhà nước dành cho khoa học- công nghệ

Đa dạng hóa nguồn đầu tư cho khoa học và công nghệ. Coi đầu tư kinh phí từ ngân sách cho khoa học và công nghệ là nhiệm vụ thường xuyên.

Đổi mới cơ chế phân bổ và sử dụng ngân sách Thành phố cho hoạt động khoa học và công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ.

3.2.4. Nhóm giải pháp nghiên cứu và ứng dụng, phát triển chuyển giao công nghệ phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội

Thứ nhất, tập trung nguồn lực, đầu tư phát triển khoa học và công nghệ mũi nhọn.

Thứ hai, tiếp tục tập trung nguồn lực, đổi mới tư duy phát

triển khoa học - công nghệ một cách nhất quán, từ nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức.

Đẩy nhanh ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Cần đầu tư tài chính ứng dụng khoa học công nghệ vào cuộc sống, thay thế hình thức truyền thống kém hiệu quả.

3.2.5. Nhóm giải pháp hội nhập, giao lưu hợp tác nghiên cứu đào tạo nguồn nhân lực, hội nghị, hội thảo, tư vấn, trao đổi, học hỏi chuyển giao, phát triển chính sách công nghệ

Thứ nhất, nhanh chóng tranh thủ có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ của các khu vực có nền công nghệ cao để đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ của thành phố.

Tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ thông qua các chương trình hợp tác nghiên cứu.

Thứ hai, khuyến khích các ý tưởng, đề án phát triển khoa học - công nghệ thành phố.

Thứ ba, tăng cường mối liên kết giữa các cơ sở đào tạo nhất là giữa nhà trường với doanh nghiệp

KẾT LUẬN

Thành phố Đà Nẵng đang “tăng tốc” phát triển khoa học - công nghệ trở thành ngành kinh tế chủ lực, có hiệu quả ứng dụng nhanh, rộng rãi ở mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của thành phố, xem đây là yếu tố then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh, hiện đại hóa với chi phí thấp nhất, góp phần quan trọng để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thành phố Đà Nẵng.

Vai trò của khoa học – công nghệ là vô cùng to lớn, nhưng sử dụng nó như thế nào đó cũng là vấn đề cần chú ý quan tâm, phải coi phát triển khoa học – công nghệ nhằm vào mục đích phục vụ con người nói riêng và xã hội nói chung để xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Như vậy, để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của thành phố trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, trước hết cần phải nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của Thành phố, năng lực nghiên cứu và phát triển khoa học – công nghệ phải mạnh, kịp thời nắm bắt và làm chủ được công nghệ tiên tiến, hiện đại để ứng dụng vào sản xuất kinh doanh phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.